

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN T
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 339/2024/DS-ST.

Ngày 17-6-2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ H**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Th.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị T.
2. Bà Bùi Diệu H.

Thư ký phiên tòa: Ông Chiêm Tiên Quý Nh – Thư ký Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu T – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 673/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2023, về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2024/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 131/2024/QĐST-DS ngày 17/5/2024, giữa:

Nguyên đơn: Công ty tài chính TNHH MTV M,
Địa chỉ: Phường N, Quận M, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Phạm Thành Nh, địa chỉ: phường H, Quận B, Thành phố H, là người đại diện ủy quyền. (Giấy ủy quyền ngày 20/8/2023). (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Bà Dương Thị H, sinh năm 1975,
Địa chỉ: phường B, quận T, Thành phố H. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai, Công ty tài chính TNHH MTV M (gọi tắt là Công ty M) có ông Nguyễn Phạm Thành Nh đại diện ủy quyền, trình bày: Vào ngày 20/11/2022, Công ty M ký hợp đồng tín dụng số 4147991 (gọi tắt là hợp đồng tín dụng) về việc cấp tín dụng cho bà Dương Thị H với khoản vay trị giá 21.540.000 đồng. Sau khi ký kết, Công ty M đã giải ngân cho bà H theo đúng quy định của hợp đồng tín dụng. Bà H có nghĩa vụ thanh toán hàng tháng với số tiền 1.412.911 đồng trong kỳ hạn 24 tháng kể từ ngày 25/01/2023 đến ngày 25/12/2024. Tuy nhiên, sau khi được giải ngân, bà H chỉ mới thanh toán được 02 kỳ với tổng số tiền là 2.850.000

đồng, trong đó tiền gốc là 973.629 đồng và lãi là 1.852.371 đồng. Từ ngày 27/3/2023 đến nay bà H không tiếp tục thanh toán cho Công ty M. Công ty M đã liên hệ qua điện thoại yêu cầu bà H thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng. Đồng thời, Công ty M cũng đã gửi thư yêu cầu thanh toán để thông báo trực tiếp với bà H. Tuy nhiên, bà H vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký. Tính đến ngày 17/6/2024, bà H còn nợ Công ty M, tổng cộng số tiền 35.580.780 (Ba mươi lăm triệu năm trăm tám mươi ngàn bảy trăm tám mươi) đồng, trong đó: tiền gốc là 20.566.371 đồng; tiền lãi trong hạn là 9.310.095 đồng; tiền lãi quá hạn là 5.033.039 đồng và số tiền lãi chậm trả là 671.275 đồng.

Do đó, Công ty M yêu cầu bà H phải trả toàn bộ số tiền vay tạm tính đến ngày 17/6/2024, tổng cộng số tiền 35.580.780 (Ba mươi lăm triệu năm trăm tám mươi ngàn bảy trăm tám mươi) đồng. Đồng thời, yêu cầu bà H phải tiếp tục thanh toán tiền lãi, phí phát sinh từ ngày 18/6/2024 cho đến khi hoàn tất việc thanh toán xong các khoản vay nói trên.

Bà Dương Thị H đã được tổng đạt hợp lệ lần thứ hai, yêu cầu có mặt để giải quyết việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với Công ty M nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

Công ty tài chính TNHH MTV M (gọi tắt là Công ty M) có ông Nguyễn Phạm Thành Nh đại diện ủy quyền, vẫn giữ yêu cầu khởi kiện buộc bà H phải trả làm một lần tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 17/6/2024 là tổng cộng số tiền 35.580.780 (Ba mươi lăm triệu năm trăm tám mươi ngàn bảy trăm tám mươi) đồng, trong đó: tiền gốc là 20.566.371 đồng; tiền lãi trong hạn là 9.310.095 đồng; tiền lãi quá hạn là 5.033.039 đồng; số tiền lãi chậm trả là 671.275 đồng và yêu cầu bà H phải tiếp tục thanh toán lãi, phí phát sinh từ ngày 18/6/2024 cho đến khi hoàn tất việc thanh toán xong các khoản vay nói trên và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bà Dương Thị H đã được tổng đạt hợp lệ lần thứ hai, yêu cầu có mặt để giải quyết việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với Công ty M nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm xét xử, Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật như thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng; Tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; Thông báo và tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự đúng theo quy định, tuy nhiên về thời hạn xét xử có chậm hơn so với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án đúng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, tuân thủ đúng pháp luật; Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ Hợp đồng vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4147991 ngày 19/12/2022, có cơ sở xác định bà H đã vay của Công ty M tổng số tiền 21.540.000 đồng, trong đó có tiền vay là 20.000.000 đồng và tiền bảo hiểm là 1.540.000 đồng, với thời hạn vay là 24 tháng và Công ty M đã chuyển khoản số tiền vay vào tài khoản số 0109147228 tại Ngân hàng TMCP Đ của bà H. Tuy nhiên, trong

quá trình thực hiện hợp đồng vay, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Công ty M khởi kiện yêu cầu bà H phải trả toàn bộ số tiền vay còn nợ tính đến ngày 17/6/2024 là 35.580.780 (Ba mươi lăm triệu năm trăm tám mươi ngàn bảy trăm tám mươi) đồng, trong đó: tiền gốc là 20.566.371 đồng; tiền lãi trong hạn là 9.310.095 đồng; tiền lãi quá hạn là 5.033.039 đồng; số tiền lãi chậm trả là 671.275 đồng và yêu cầu bà H phải tiếp tục thanh toán lãi, phí phát sinh từ ngày 18/6/2024 cho đến khi hoàn tất việc thanh toán xong các khoản vay nói trên là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Công ty M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật trong vụ án này là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng, bị đơn, bà Dương Thị H có địa chỉ tại phường B, quận T, theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H.

[1.1] Công ty tài chính TNHH MTV M (gọi tắt là Công ty M) có ông Nguyễn Phạm Thành Nh đại diện ủy quyền, vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bà Dương Thị H đã được tổng đạt hợp lệ lần thứ hai, yêu cầu có mặt để giải quyết việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với Công ty M nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 228, Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Ngày 19/12/2022, Công ty M với bà H ký Hợp đồng vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4147991. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh nên Công ty M đã khởi kiện yêu cầu bà H phải thanh toán nợ. Qua yêu cầu của Công ty M, Hội đồng xét xử, xét thấy:

[2.1] Theo Hợp đồng vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4147991 ngày 19/12/2022, thì bà H có vay của Công ty M tổng số tiền 21.540.000 đồng, trong đó có tiền vay là 20.000.000 đồng và tiền bảo hiểm là 1.540.000 đồng, với mức lãi suất là 4%/tháng (48%/năm), thời hạn vay là 24 tháng.

Theo Phiếu báo nợ được in từ hệ thống ngân hàng được tử của Ngân hàng TMCP K ngày 18/9/2023, số giao dịch: FT22355180869429, số tham chiếu: 200792010329935.030001, thể hiện: ngày 21/12/2022, Công ty M có số tài khoản 19125812410022 đã chuyển khoản số tiền 20.000.000 đồng vào tài khoản số 0109147228 của bà H tại Ngân hàng TMCP Đ với nội dung chuyển tiền theo hợp đồng 4147991. Từ các chứng cứ trên, có cơ sở xác định bà H có vay tiền của Công ty M và đã được giải ngân bằng hình thức chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản của bà H. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện Hợp đồng vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4147991 ngày 19/12/2022 thì bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ tiền gốc và lãi cho Công ty M.

[2.2] Theo bảng kê về lịch sử thanh toán của và số tiền cần phải thu đến ngày 17/6/2024 thì tính đến ngày 17/6/2024, bà H còn nợ Công ty M, số tiền 35.580.780

đồng, trong đó: tiền gốc là 20.566.371 đồng; tiền lãi trong hạn là 9.310.095 đồng; tiền lãi quá hạn là 5.033.039 đồng và số tiền lãi chậm trả là 671.275 đồng. Từ các chứng cứ trên, có cơ sở xác định tổng số tiền bà H còn nợ Công ty M tính đến ngày 17/6/2024 là 35.580.780 (Ba mươi lăm triệu năm trăm tám mươi ngàn bảy trăm tám mươi) đồng.

Do đó, Công ty M yêu cầu buộc bà H phải trả toàn bộ số tiền vay còn nợ tính đến ngày 17/6/2024 là 35.580.780 (Ba mươi lăm triệu năm trăm tám mươi ngàn bảy trăm tám mươi) đồng, trong đó: tiền gốc là 20.566.371 đồng; tiền lãi trong hạn là 9.310.095 đồng; tiền lãi quá hạn là 5.033.039 đồng; số tiền lãi chậm trả là 671.275 đồng và yêu cầu bà H phải tiếp tục thanh toán lãi, phí phát sinh theo Hợp đồng vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4147991 ngày 19/12/2022 kể từ ngày 18/6/2024 cho đến khi hoàn tất việc thanh toán xong các khoản vay nói trên là có căn cứ, nên chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Công ty M buộc bà H phải trả toàn bộ số tiền vay còn nợ tính đến ngày 17/6/2024 là 35.580.780 đồng và yêu cầu bà H phải tiếp tục thanh toán lãi, phí phát sinh theo Hợp đồng vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4147991 ngày 19/12/2022 kể từ ngày 18/6/2024 cho đến khi hoàn tất việc thanh toán xong các khoản vay. Xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T là có căn cứ và cũng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; khoản 3 Điều 144 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì: bà H chịu trách nhiệm thanh toán nợ với số tiền 35.580.780 đồng nên phải chịu án phí là 1.779.039 đồng. Công ty M không phải chịu án phí DSST. Hoàn trả cho Công ty M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 625.992 đồng theo biên lai thu số 0026946 ngày 22/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 146; Điều 147; Điều 203; Điều 220; Điều 228; Điều 235; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của UBTVQH.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính TNHH MTV M.

1.1. Buộc bà Dương Thị H phải thanh toán cho Công ty tài chính TNHH MTV M tổng số tiền tính đến ngày 17/6/2024 là 35.580.780 (Ba mươi lăm triệu năm trăm tám mươi ngàn bảy trăm tám mươi) đồng, trong đó: tiền gốc là 20.566.371 đồng; tiền

lãi trong hạn là 9.310.095 đồng; tiền lãi quá hạn là 5.033.039 đồng; số tiền lãi chậm trả là 671.275 đồng.

1.2. Bà Dương Thị H phải tiếp tục chịu các khoản tiền lãi, phí phát sinh kể từ ngày 18/6/2024 cho đến khi hoàn tất việc thanh toán xong các khoản vay cho Công ty tài chính TNHH MTV M, theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4147991 ngày 19/12/2022.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí DSST: Bà Dương Thị H phải chịu án phí là 1.779.039 (Một triệu bảy trăm bảy mươi chín ngàn không trăm ba mươi chín) đồng. Công ty tài chính TNHH MTV M không phải chịu án phí DSST. Hoàn trả cho Công ty tài chính TNHH MTV M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 625.992 (sáu trăm hai mươi lăm nghìn chín trăm chín mươi hai) đồng theo biên lai thu số 0026946 ngày 22/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố H.

3. Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại địa phương.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích quy định về quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự).

Nơi nhận:

- TAND TP.H;
- VKSND quận T;
- CC THADS quận T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; VP (Nh).

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thành Th